

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế thanh toán bù trừ điện tử liên Ngân hàng

Quyết định số 1557/2001/QĐ-NHNN ngày 14 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành Quy chế thanh toán bù trừ điện tử liên Ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2002, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Quyết định số 456/2003/QĐ-NHNN ngày 12 tháng 5 năm 2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 1 “Quy chế thanh toán bù trừ điện tử liên Ngân hàng” ban hành kèm theo Quyết định số 1557/2001/QĐ-NHNN ngày 14/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 6 năm 2003.

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật các Tổ chức tín dụng số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 64/2001/NĐ-CP ngày 20/9/2001 của Chính phủ về hoạt động thanh toán qua các Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán;

Căn cứ Quyết định số 196/TTg ngày 01/4/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng các dữ liệu thông tin trên vật mang tin để làm chứng từ kế toán và thanh toán của các Ngân hàng và Tổ chức tín dụng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính Ngân hàng Nhà nước¹,

¹ Quyết định số 456/2003/QĐ-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 1 “Quy chế thanh toán bù trừ điện tử liên Ngân hàng” ban hành kèm theo Quyết định số 1557/2001/QĐ-NHNN ngày 14/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 và Luật các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 64/2001/NĐ-CP ngày 20/9/2001 của Chính phủ về hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán;

Căn cứ Quyết định số 44/2002/QĐ-TTg ngày 21/3/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng chứng từ điện tử làm chứng từ kế toán để hạch toán và thanh toán vốn của các Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính,”

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành theo Quyết định này "**Quy chế thanh toán bù trừ điện tử liên Ngân hàng**".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2002.

Điều 3.² Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính, Cục trưởng Cục Công nghệ Tin học ngân hàng; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố; Tổng Giám đốc (*Giám đốc*) Ngân hàng, tổ chức khác được làm dịch vụ thanh toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

² Điều 2 và Điều 3 của Quyết định số 456/2003/QĐ-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 1 “Quy chế thanh toán bù trừ điện tử liên Ngân hàng” ban hành kèm theo Quyết định số 1557/2001/QĐ-NHNN ngày 14/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 6 năm 2003 quy định như sau:

“**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính, Cục trưởng Cục Công nghệ tin học ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng giám đốc (*Giám đốc*) Ngân hàng, Tổ chức khác được làm dịch vụ thanh toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.”

QUY CHẾ
THANH TOÁN BÙ TRỪ ĐIỆN TỬ LIÊN NGÂN HÀNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1557/2001/QĐ-NHNN ngày 14 tháng 12 năm 2001
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

Chương I
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1.³ Quy chế này điều chỉnh hoạt động thanh toán bù trừ qua mạng máy tính các khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ) giữa các ngân hàng, Tổ chức khác được làm dịch vụ thanh toán hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam cùng mở tài khoản tiền gửi tại một đơn vị Ngân hàng Nhà nước, do đơn vị Ngân hàng Nhà nước đó tổ chức và chủ trì thanh toán bù trừ điện tử.

a) Mức tiền thanh toán qua bù trừ điện tử liên ngân hàng:

- Đối với các lệnh thanh toán giữa các ngân hàng trong phạm vi một địa bàn tỉnh, thành phố thì không giới hạn mức tiền;

- Đối với các lệnh thanh toán bù trừ điện tử để chuyển đi ngân hàng khác địa bàn tỉnh, thành phố thì mức tiền tối đa là mức giá trị thấp do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định cho từng thời kỳ;

b) Tất cả các khoản chuyển tiền Nợ trong thanh toán bù trừ điện tử liên ngân hàng đều phải có ủy quyền trước: Các ngân hàng thành viên phải ký hợp đồng chuyển nợ với nhau và phải có thông báo bằng văn bản cho ngân hàng chủ trì trước khi thực hiện;

2. Chuyển tiền điện tử; các khoản thanh toán giữa Việt Nam với nước ngoài và các hình thức thanh toán quốc tế khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Đối tượng được phép tham gia thanh toán bù trừ điện tử

1. Các Ngân hàng, tổ chức khác được làm dịch vụ thanh toán hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam (*sau đây gọi tắt là Ngân hàng*) có đủ các điều kiện tiêu chuẩn của ngân hàng thành viên tham gia thanh toán điện tử liên ngân hàng theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, có đơn xin tham gia thanh toán bù trừ điện tử và được Ngân hàng chủ trì chấp thuận bằng văn bản.

³ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điều 1 của Quyết định số 456/2003/QĐ-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 1 “Quy chế thanh toán bù trừ điện tử liên Ngân hàng” ban hành kèm theo Quyết định số 1557/2001/QĐ-NHNN ngày 14/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 6 năm 2003.

2. Các Ngân hàng không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này nếu muốn tham gia thanh toán bù trừ điện tử thì phải chọn một ngân hàng thành viên trực tiếp làm đại diện (Ngân hàng thành viên được ủy quyền) để mở tài khoản tiền gửi thanh toán và thông qua ngân hàng này thực hiện các giao dịch thanh toán bù trừ điện tử liên ngân hàng.

Ngân hàng thành viên được ủy quyền phải có cam kết bằng văn bản với Ngân hàng chủ trì và các ngân hàng thành viên trực tiếp khác về việc tiếp nhận các chứng từ thanh toán bù trừ của ngân hàng thành viên gián tiếp do mình làm đại diện và có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với các khoản thanh toán này. Ngân hàng thành viên được ủy quyền phải chịu trách nhiệm bồi thường vật chất nếu việc ủy quyền vì bất cứ lý do gì gây thiệt hại đối với các bên liên quan. Quan hệ thanh toán giữa ngân hàng thành viên được ủy quyền và ngân hàng ủy quyền do hai ngân hàng này xác định với nhau theo quy định hiện hành về thanh toán giữa các ngân hàng.

Điều 3. Giải thích các thuật ngữ sử dụng trong Quy chế này

- **Thanh toán bù trừ điện tử liên Ngân hàng** (sau đây gọi tắt là *thanh toán bù trừ điện tử*) là thực hiện việc chuyển khoản và thanh toán qua mạng máy tính giữa các tài khoản được mở tại các ngân hàng khác hệ thống hoặc ở các chi nhánh của cùng một ngân hàng trên phạm vi một địa bàn nhất định. Bằng kỹ thuật xử lý bù trừ điện tử, các Ngân hàng chuyển cho nhau qua mạng máy tính các chứng từ thanh toán, bù trừ cho nhau phần nợ qua lại và trả cho nhau số chênh lệch.

- **Ngân hàng chủ trì thanh toán bù trừ điện tử** (sau đây gọi tắt là *Ngân hàng chủ trì*): là đơn vị Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm tổ chức thanh toán bù trừ điện tử và xử lý kết quả thanh toán bù trừ điện tử; ngân hàng chủ trì có thể tham gia thanh toán bù trừ điện tử như một ngân hàng thành viên.

- **Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử**: là bộ phận có nhiệm vụ xử lý tự động các giao dịch thanh toán bù trừ điện tử giữa các ngân hàng thành viên và xác định kết quả thanh toán bù trừ điện tử cho các ngân hàng thành viên. Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử là một đơn vị thuộc tổ chức hay một bộ phận cấu thành của ngân hàng chủ trì hoặc là một đơn vị (công ty) độc lập thực hiện thu nhận, xử lý số liệu thanh toán và thông báo kết quả thanh toán bù trừ cho ngân hàng chủ trì và các ngân hàng thành viên liên quan.

- **Ngân hàng thành viên trực tiếp tham gia thanh toán bù trừ điện tử** (sau đây gọi tắt là *Ngân hàng thành viên trực tiếp*): là ngân hàng được nối mạng trực tiếp với hệ thống máy tính của Ngân hàng chủ trì hoặc Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử (trường hợp Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử là đơn vị độc lập) để thực hiện các giao dịch thanh toán bù trừ điện tử. Trong thanh toán bù trừ điện tử, ngân hàng thành viên trực tiếp vừa là ngân hàng gửi lệnh thanh toán (gọi tắt là *Ngân hàng gửi*) vừa là ngân hàng nhận lệnh thanh toán (gọi tắt là *Ngân hàng nhận*).

- **Ngân hàng thành viên được ủy quyền:** là ngân hàng thành viên trực tiếp được đại diện cho một hoặc một số ngân hàng thành viên gián tiếp để thực hiện các giao dịch thanh toán bù trừ điện tử.

- **Ngân hàng thành viên gián tiếp tham gia thanh toán bù trừ điện tử** (sau đây gọi tắt là **ngân hàng thành viên gián tiếp**): Là ngân hàng thực hiện các giao dịch thanh toán bù trừ điện tử nối mạng thông qua một ngân hàng thành viên được ủy quyền. Ngân hàng thành viên gián tiếp có thể là chi nhánh trực thuộc của ngân hàng thành viên được ủy quyền hoặc là ngân hàng khác hệ thống nhưng có mở tài khoản tiền gửi thanh toán tại ngân hàng thành viên được ủy quyền.

- **Lệnh thanh toán:** là một chỉ định dưới dạng các yếu tố của chứng từ kế toán được mã hóa của ngân hàng gửi đối với Ngân hàng chủ trì, Trung tâm xử lý thanh toán bù trừ điện tử và ngân hàng nhận nhằm thực hiện thanh toán bù trừ điện tử.

- **Lệnh chuyển Có** là lệnh thanh toán, được xem như một khoản phải trả của ngân hàng gửi đối với ngân hàng nhận trong thanh toán bù trừ điện tử.

- **Lệnh chuyển Nợ có ủy quyền** là Lệnh thanh toán, được xem như một khoản phải thu của ngân hàng gửi đối với ngân hàng nhận trong thanh toán bù trừ điện tử.

- **Lệnh Hủy lệnh chuyển Nợ:** là một tin điện có giá trị như một Lệnh chuyển Có; do ngân hàng gửi lập và chuyển cho ngân hàng nhận để hủy Lệnh chuyển Nợ đã gửi (hủy một phần hoặc toàn bộ số tiền).

- **Yêu cầu hủy Lệnh chuyển Có:** là một tin điện do ngân hàng gửi lập và chuyển cho ngân hàng nhận đề nghị hủy Lệnh chuyển có đã gửi (hủy một phần hoặc toàn bộ số tiền tùy theo từng trường hợp sai sót cụ thể); Là căn cứ để ngân hàng nhận lập Lệnh chuyển có đi, trả lại cho ngân hàng gửi trên cơ sở đã thu hồi lại được tiền đã trả.

- **Ngày giao dịch thanh toán bù trừ điện tử** (gọi tắt là **Ngày giao dịch**): là khoảng thời gian trong ngày làm việc, được xác định kể từ thời điểm bắt đầu ngày làm việc cho đến thời điểm dừng gửi Lệnh thanh toán của các ngân hàng thành viên trực tiếp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

- **Phiên thanh toán bù trừ điện tử:** Là khoảng thời gian được xác định trong ngày giao dịch, trong khoảng thời gian này lệnh thanh toán của các Ngân hàng thành viên gửi tới Ngân hàng chủ trì hoặc Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử (*trường hợp Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử là một đơn vị độc lập*) sẽ được xử lý bù trừ vào một thời điểm quy định. Trong **Ngày giao dịch** có thể có một hoặc một số phiên thanh toán bù trừ điện tử.

- **Bảng kết quả thanh toán bù trừ điện tử:** là bảng số liệu do Ngân hàng chủ trì hoặc Trung tâm xử lý thanh toán bù trừ điện tử (*trường hợp Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử là một đơn vị độc lập*) lập cho từng ngân hàng thành viên trực tiếp sau khi kết thúc phiên giao dịch thanh toán bù trừ và tại thời điểm quyết toán bù trừ điện tử, phản ánh tổng hợp số phải thu, phải trả theo các Lệnh thanh toán mà ngân hàng thành viên đã gửi đi, nhận về và thể hiện số thực phải trả

hoặc được hưởng của từng ngân hàng thành viên. Bảng kết quả thanh toán bù trừ điện tử được coi là một loại chứng từ kế toán.

- **Khả năng chi trả của Ngân hàng thành viên:** là số dư trên tài khoản tiền gửi của ngân hàng thành viên trực tiếp tại Ngân hàng chủ trì.

Chương II **CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Thủ tục xin tham gia và xét duyệt ngân hàng thành viên tham gia thanh toán bù trừ điện tử

1. Các ngân hàng khi đã có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn của ngân hàng thành viên tham gia thanh toán điện tử liên ngân hàng, nếu muốn tham gia thanh toán bù trừ điện tử liên ngân hàng thì phải lập và nộp các hồ sơ sau đây cho Ngân hàng Nhà nước, nơi mình mở tài khoản:

- Đơn xin tham gia thanh toán bù trừ điện tử liên Ngân hàng.
- Giấy cam kết thực hiện các quy định có liên quan khi trở thành Ngân hàng thành viên tham gia thanh toán bù trừ điện tử liên Ngân hàng.

2. Khi nhận được đơn và hồ sơ của ngân hàng xin tham gia thanh toán bù trừ điện tử, sau khi kiểm tra, rà soát nếu có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn của ngân hàng thành viên thanh toán điện tử liên ngân hàng và thực hiện đúng thủ tục xin tham gia thanh toán bù trừ điện tử theo quy định thì Ngân hàng chủ trì chấp nhận, kết nạp ngân hàng thành viên tham gia thanh toán bù trừ điện tử liên ngân hàng và thông báo bằng văn bản cho tất cả các ngân hàng thành viên biết để giao dịch thanh toán.

Trường hợp ngân hàng xin tham gia thanh toán bù trừ không đủ điều kiện, tiêu chuẩn để kết nạp ngân hàng thành viên tham gia thanh toán bù trừ điện tử liên ngân hàng thì Ngân hàng chủ trì phải có văn bản từ chối và nêu rõ lý do.

Điều 5. Chứng từ sử dụng trong thanh toán bù trừ điện tử

1. Chứng từ ghi sổ trong thanh toán bù trừ điện tử liên ngân hàng là các Lệnh thanh toán và các Bảng kê thanh toán bù trừ điện tử do Ngân hàng Nhà nước quy định. Chứng từ gốc dùng làm cơ sở để lập Lệnh thanh toán là các chứng từ thanh toán sử dụng để chuyển tiền theo quy định hiện hành. Việc lập, kiểm soát, luân chuyển, xử lý, lưu trữ và bảo quản chứng từ trong thanh toán bù trừ điện tử phải tuân thủ theo đúng quy định của chế độ chứng từ kế toán Ngân hàng, Tổ chức tín dụng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành.

2. Các Ngân hàng thành viên phải thực hiện việc chuyển hóa chứng từ bằng giấy sang chứng từ điện tử hoặc ngược lại khi cần thiết phù hợp với quy trình kỹ thuật nghiệp vụ thanh toán bù trừ điện tử. Việc chuyển hóa chứng từ phải đảm bảo sự khớp đúng giữa chứng từ dùng làm căn cứ chuyển hóa và chứng từ được chuyển hóa, đúng mẫu quy định và đảm bảo tính pháp lý của chứng từ.

3. Ngân hàng gửi (bao gồm cả ngân hàng thành viên trực tiếp và ngân hàng thành viên gián tiếp) có trách nhiệm bảo quản và lưu trữ chứng từ thanh toán hợp lệ được sử dụng làm căn cứ lập lệnh thanh toán theo đúng quy định hiện hành.

Điều 6. Thời gian giao dịch trong thanh toán bù trừ điện tử

1. Thời điểm bắt đầu giao dịch, thời điểm dừng gửi lệnh thanh toán của các ngân hàng thành viên, thời điểm xử lý của phiên thanh toán bù trừ điện tử và thời điểm quyết toán thanh toán bù trừ điện tử của ngày giao dịch do Ngân hàng chủ trì quy định dựa trên các căn cứ sau đây:

- Khả năng xử lý của Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử và yêu cầu của các ngân hàng thành viên trực tiếp;

- Sự kết nối mạng máy tính của hệ thống thanh toán bù trừ điện tử với các hoạt động nghiệp vụ ngân hàng khác có liên quan của các ngân hàng thành viên trực tiếp.

2. Khi có sự thay đổi về thời gian giao dịch thanh toán bù trừ điện tử thì Ngân hàng chủ trì phải thông báo kịp thời cho các ngân hàng thành viên trực tiếp.

Điều 7. Truyền, nhận và xử lý dữ liệu trong thanh toán bù trừ điện tử

1. Khi truyền qua mạng máy tính, dữ liệu thanh toán bù trừ điện tử phải được mã hóa và áp dụng các biện pháp bảo mật theo quy định hiện hành đối với chứng từ điện tử và các quy định có liên quan khác về truyền tin và xử lý dữ liệu qua mạng máy tính trong hoạt động ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước ban hành.

2. Ngân hàng chủ trì hoặc Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử (trường hợp Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử là một đơn vị độc lập) và các Ngân hàng thành viên phải tuân thủ quy định về phương thức truyền, nhận và xử lý dữ liệu trong thanh toán bù trừ điện tử. Phương thức truyền, nhận và xử lý dữ liệu trong thanh toán bù trừ điện tử quy định sau khi đã thống nhất với các Ngân hàng thành viên và phải phù hợp với các quy định về truyền, nhận và xử lý dữ liệu thanh toán chuyển tiền do Ngân hàng Nhà nước ban hành hoặc được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

3. Trong trường hợp bị sự cố kỹ thuật, truyền tin và các nguyên nhân bất khả kháng khác dẫn đến không thể truyền, nhận dữ liệu thanh toán bù trừ điện tử qua mạng máy tính thì Ngân hàng chủ trì hoặc Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử (trường hợp Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử là một đơn vị độc lập) và các Ngân hàng thành viên phải có giải pháp xử lý thích hợp; nếu có điều kiện thì có thể áp dụng biện pháp giao, nhận trực tiếp dữ liệu trên các vật mang tin (băng, đĩa từ v.v...) theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước đồng thời phải tìm mọi biện pháp để khắc phục sự cố nhanh nhất.

Điều 8. Đảm bảo an toàn đối với hệ thống máy tính, trang thiết bị và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động thanh toán bù trừ điện tử

1. Ngân hàng chủ trì, các Ngân hàng thành viên phải có quy định chặt chẽ về cài đặt, sử dụng, bảo quản và bảo trì các trang thiết bị và chương trình máy tính phục vụ cho hoạt động thanh toán bù trừ điện tử thuộc phạm vi mình quản lý.

2. Ngân hàng chủ trì, Ngân hàng thành viên phải có hệ thống máy tính, trang thiết bị và cơ sở dữ liệu dự phòng cho hoạt động thanh toán bù trừ điện tử và phải tổ chức lưu trữ dữ liệu dự phòng đồng thời dữ liệu đang hoạt động. Hệ thống máy tính, trang thiết bị và cơ sở dữ liệu dự phòng phải đặt tại địa điểm an toàn, tách rời với hệ thống đang hoạt động chính thức và phải có phương án sử dụng cụ thể để đảm bảo cho hoạt động thanh toán bù trừ điện tử được tiến hành an toàn và liên tục.

Điều 9. Bảo mật trong thanh toán bù trừ điện tử

1. Ngân hàng chủ trì và từng Ngân hàng thành viên chịu trách nhiệm quy định các biện pháp bảo mật thích hợp áp dụng trong nội bộ đơn vị mình.

2. Ngân hàng chủ trì chịu trách nhiệm quy định về chữ ký điện tử được sử dụng để bảo vệ và kiểm soát dữ liệu thanh toán bù trừ điện tử khi thực hiện truyền, nhận qua mạng máy tính giữa Ngân hàng chủ trì và các Ngân hàng thành viên trực tiếp. Trong trường hợp cần thiết, Ngân hàng chủ trì có thể quy định thêm các biện pháp bảo mật khác để đảm bảo sự an toàn của yếu tố chứng từ đã được mã hóa.

3. Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử chịu trách nhiệm quy định về mã khóa bảo mật được sử dụng để truy cập vào hệ thống máy tính của Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử (gọi tắt là *mã khóa bảo mật máy tính*).

4. Các quy định về chữ ký điện tử và mã khóa bảo mật máy tính trong thanh toán bù trừ điện tử nêu tại khoản 2 và 3 điều này, phải tuân thủ quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về việc xây dựng, cấp phát, sử dụng, bảo quản và quản lý chữ ký điện tử, mã khóa bảo mật máy tính trong thanh toán chuyên tiền điện tử.

Điều 10. Xử lý tại phiên thanh toán bù trừ điện tử

1. Tại thời điểm xử lý bù trừ được quy định cho từng phiên thanh toán bù trừ điện tử, Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử (nếu Trung tâm xử lý bù trừ là đơn vị độc lập) hoặc Ngân hàng chủ trì thực hiện:

- Xử lý bù trừ đối với các lệnh thanh toán hợp lệ đã nhận được từ các ngân hàng thành viên.

- Lập và gửi Bảng kết quả thanh toán bù trừ điện tử để phục vụ cho việc kiểm soát đối chiếu và hạch toán tại Ngân hàng chủ trì và các Ngân hàng thành viên trực tiếp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Ngân hàng chủ trì căn cứ Bảng kết quả thanh toán bù trừ điện tử để thanh toán và hạch toán theo số chênh lệch phải trả hoặc được hưởng của mỗi ngân hàng thành viên trực tiếp.

3. Khi nhận được kết quả thanh toán bù trừ do Ngân hàng chủ trì hoặc Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử chuyển tới Ngân hàng thành viên trực tiếp phải kiểm soát, đối chiếu chặt chẽ theo quy định đối với các Lệnh thanh toán, Kết quả thanh toán bù trừ điện tử trước khi xử lý, hạch toán.

Điều 11. Quyết toán thanh toán bù trừ điện tử

1. Quyết toán thanh toán bù trừ điện tử là việc xử lý thanh toán bù trừ điện tử lần cuối cùng trong ngày giao dịch và vào một thời điểm quy định sau khi

Ngân hàng chủ trì và các Ngân hàng thành viên đã đối chiếu xong, chính xác cho toàn bộ các khoản phải thu, phải trả và số thực phải trả hoặc được hưởng của từng Ngân hàng thành viên trong ngày giao dịch; Trường hợp Ngân hàng chủ trì và các Ngân hàng thành viên còn chưa xử lý xong sai sót, chênh lệch số liệu trước thời điểm quyết toán quy định thì Ngân hàng chủ trì có thể lùi lại thời điểm quyết toán của ngày giao dịch và phải thông báo cho tất cả các Ngân hàng thành viên để có biện pháp xử lý thích hợp theo quy định.

2. Tại thời điểm quyết toán bù trừ điện tử, Ngân hàng chủ trì xử lý

- Xử lý bù trừ điều chỉnh đối với những Lệnh thanh toán của Ngân hàng thành viên trực tiếp đã bổ sung đủ nguồn vốn để bù đắp khoản thiếu hụt trong thanh toán bù trừ điện tử.

- Trả lại hoặc Hủy bỏ những Lệnh thanh toán vượt quá khả năng chi trả của Ngân hàng thành viên trực tiếp tại Ngân hàng chủ trì.

- Gửi kết quả quyết toán bù trừ cho các Ngân hàng thành viên trực tiếp.

- Căn cứ kết quả quyết toán bù trừ đã được điều chỉnh, Ngân hàng chủ trì thực hiện việc hạch toán ghi Nợ, ghi Có cho các Ngân hàng thành viên trực tiếp theo số thực phải trả hoặc được hưởng cuối cùng trong Ngày giao dịch. Sau khi quyết toán xong, tài khoản thanh toán bù trừ của Ngân hàng chủ trì phải hết số dư.

3. Ngân hàng thành viên trực tiếp phải thực hiện

- Kiểm tra, đối chiếu chặt chẽ theo quy định đối với các Lệnh thanh toán, số phải thu, phải trả hoặc được hưởng cuối cùng trong ngày giao dịch của ngân hàng mình với Kết quả quyết toán bù trừ điện tử nhận được trước khi xử lý, hạch toán.

- Nếu khớp đúng thì phải gửi điện xác nhận ngay cho Ngân hàng chủ trì hoặc Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử (nếu Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử là một đơn vị độc lập); Trường hợp phát hiện có sai sót, nhầm lẫn thì phải tra soát ngay và có trách nhiệm phối hợp với Ngân hàng chủ trì, Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử và các Ngân hàng thành viên có liên quan để điều chỉnh theo đúng quy định.

- Tại các Ngân hàng thành viên trực tiếp, sau khi hạch toán xong số thực phải trả hoặc được hưởng cuối cùng trong ngày giao dịch theo kết quả quyết toán bù trừ, tài khoản thanh toán bù trừ của Ngân hàng thành viên trực tiếp phải hết số dư.

Điều 12. Các biện pháp phòng ngừa và xử lý trường hợp thiếu khả năng chi trả của Ngân hàng thành viên trực tiếp trong thanh toán bù trừ điện tử

1. Ngân hàng thành viên trực tiếp phải cam kết và có biện pháp duy trì đủ khả năng chi trả của mình để đảm bảo thanh toán kịp thời và đầy đủ số tiền phải trả trong thanh toán bù trừ điện tử, bao gồm số tiền phải trả cho khách hàng và cho các Ngân hàng thành viên liên quan khác.

2. Kể từ thời điểm dừng gửi Lệnh thanh toán cho đến thời điểm quyết toán thanh toán bù trừ điện tử, (các) ngân hàng thành viên trực tiếp bị thiếu khả năng chi trả phải áp dụng các biện pháp tìm kiếm nguồn để bù đắp số thiếu hụt của ngân hàng mình.

3. Trường hợp khi tiến hành quyết toán thanh toán bù trừ điện tử hoặc sau một thời gian theo quy định đã được thông báo mà Ngân hàng thành viên trực tiếp bị thiếu khả năng chi trả vẫn chưa tạo đủ nguồn để bù đắp số bị thiếu hụt trong thanh toán bù trừ thì Ngân hàng chủ trì có quyền trả lại hoặc hủy bỏ (*theo quy định tại Quy trình kỹ thuật nghiệp vụ thanh toán bù trừ điện tử liên Ngân hàng*) những lệnh thanh toán vượt quá khả năng chi trả của ngân hàng này và sẽ đình chỉ tham gia thanh toán bù trừ nếu việc này xảy ra 3 lần liên tiếp, đồng thời thông báo cho các ngân hàng thành viên liên quan biết.

Điều 13. Kiểm soát và đối chiếu trong thanh toán bù trừ điện tử

1. Ngân hàng chủ trì hoặc Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử (trường hợp Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử là một đơn vị độc lập), các Ngân hàng thành viên trực tiếp phải thực hiện đúng các quy định về kiểm soát và đối chiếu nghiệp vụ thanh toán bù trừ điện tử nhằm đảm bảo số liệu chính xác và thống nhất; phát hiện và xử lý kịp thời các sai sót.

2. Các Ngân hàng thành viên trực tiếp, Ngân hàng chủ trì hoặc Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử (*trường hợp Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử là một đơn vị độc lập*) phải kiểm tra chặt chẽ theo quy định đối với chữ ký điện tử, các mã khóa bảo mật và ký hiệu mật khác (*nếu có*), các Lệnh thanh toán, Bảng kết quả thanh toán bù trừ điện tử và các chứng từ có liên quan khác được sử dụng trong thanh toán bù trừ điện tử.

3. Ngân hàng chủ trì và các Ngân hàng thành viên trực tiếp phải thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu tài khoản tiền gửi của Ngân hàng thành viên tại ngân hàng chủ trì.

4. Ngân hàng chủ trì phải tính toán, kiểm soát, đối chiếu chặt chẽ theo đúng quy định về kết quả xử lý bù trừ của từng lần xử lý kết quả thanh toán bù trừ điện tử trong ngày giao dịch bảo đảm số liệu chính xác và thống nhất.

Điều 14. Tổ chức hạch toán và xử lý sai sót, điều chỉnh sai sót trong thanh toán bù trừ điện tử

1. **Tổ chức hạch toán:** Ngân hàng chủ trì và các Ngân hàng thành viên phải tuân thủ đúng chế độ về hạch toán kế toán trong thanh toán bù trừ điện tử do Ngân hàng Nhà nước quy định.

Ngân hàng thành viên trực tiếp phải tổ chức hạch toán trên máy vi tính để bảo đảm phù hợp và đồng bộ với hệ thống thanh toán bù trừ điện tử; thực hiện thanh toán chính xác, kịp thời, đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán và phải chịu trách nhiệm về những chậm trễ, sai sót khi mình gây ra thiệt hại cho các bên liên quan.

2. Sai sót và điều chỉnh sai sót: Khi phát hiện các sai sót hoặc chênh lệch số liệu trong thanh toán bù trừ điện tử (gọi chung là *sai sót*), Ngân hàng chủ trì, hoặc Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử (trường hợp Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử là một đơn vị độc lập) và các Ngân hàng thành viên liên quan phải có biện pháp xử lý, điều chỉnh theo đúng quy định nhằm đảm bảo số liệu chính xác, thống nhất, an toàn tài sản, không để ảnh hưởng đến hoạt động thanh toán bù trừ điện tử và gây thiệt hại cho khách hàng. Việc điều chỉnh sai sót trong thanh toán bù trừ điện tử phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Tuân thủ chặt chẽ các quy định và phương pháp điều chỉnh sai sót trong kế toán và trong thanh toán bù trừ điện tử; Sai sót phát sinh ở khâu nào thì phải được sửa chữa, điều chỉnh ở khâu đó. Nghiêm cấm việc tự ý sửa chữa số liệu, điều chỉnh sai sót;

b) Cá nhân, đơn vị gây ra sai sót hoặc vi phạm các nguyên tắc, quy định điều chỉnh sai sót, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính và phải chịu trách nhiệm bồi thường vật chất về những thiệt hại do mình gây ra cho các bên liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 15. Hủy Lệnh thanh toán

1. Tại thời điểm quyết toán, Ngân hàng chủ trì có quyền trả lại hoặc hủy bỏ đối với những Lệnh thanh toán không đủ điều kiện thanh toán của Ngân hàng thành viên trực tiếp. Trong trường hợp này, Ngân hàng thành viên trực tiếp phải chấp nhận vô điều kiện về những lệnh thanh toán bị trả lại hoặc hủy bỏ.

2. Trước thời điểm quyết toán, một Lệnh thanh toán có thể được ngừng thanh toán bởi một Lệnh hủy (*đối với hủy Lệnh chuyển Nợ có ủy quyền*) hoặc Yêu cầu hủy (*đối với hủy Lệnh chuyển Có*) của Ngân hàng gửi. Lệnh hủy hoặc Yêu cầu hủy của Ngân hàng gửi chỉ có hiệu lực trong trường hợp cụ thể sau:

- Lệnh chuyển Nợ có ủy quyền chỉ được hủy khi Ngân hàng gửi chưa trả tiền cho khách hàng theo lệnh sai hoặc trả rồi nhưng thu hồi lại được.

- Lệnh chuyển Có chỉ được hủy khi Ngân hàng nhận chưa ghi Có vào tài khoản của khách hàng hoặc đã ghi Có vào tài khoản của khách hàng nhưng khách hàng đã trả lại.

Điều 16. Các quy định về phí trong thanh toán bù trừ điện tử

1. Các Ngân hàng thành viên trực tiếp phải nộp đầy đủ và kịp thời cho Ngân hàng chủ trì (các) khoản phí cố định sau đây:

a) Phí tham gia thanh toán bù trừ điện tử là khoản tiền chỉ nộp một lần của các Ngân hàng trước khi được kết nạp thành Ngân hàng thành viên trực tiếp. Khoản phí này do Ngân hàng Nhà nước Trung ương quy định hoặc chấp thuận theo đề nghị của Ngân hàng chủ trì;

b) Phí thường niên là khoản tiền nộp mỗi năm một lần của các Ngân hàng thành viên trực tiếp để duy trì hoạt động của hệ thống. Việc áp dụng phí thường

niên do Ngân hàng chủ trì quyết định sau khi đã thống nhất với các Ngân hàng thành viên trực tiếp.

2. Ngân hàng chủ trì hoặc Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử (trường hợp Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử là một đơn vị độc lập) được thu phí dịch vụ thanh toán bù trừ điện tử đối với các Ngân hàng thành viên trực tiếp theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về thu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng.

3. Ngân hàng thành viên trực tiếp được thu phí dịch vụ thanh toán bù trừ điện tử đối với khách hàng, Ngân hàng thành viên gián tiếp, ngân hàng có liên quan theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về thu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng.

Chương III **QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CHỦ THỂ** **THAM GIA THANH TOÁN BÙ TRỪ ĐIỆN TỬ**

Điều 17. Quyền và trách nhiệm của Ngân hàng thành viên trực tiếp

1. Ngân hàng thành viên trực tiếp có quyền

- Sử dụng dịch vụ thanh toán bù trừ điện tử và các dịch vụ có liên quan do Ngân hàng chủ trì hoặc Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử quy định và cung cấp.

- Được nhận làm đại diện (ủy quyền) thanh toán bù trừ điện tử cho Ngân hàng thành viên gián tiếp và thu phí theo quy định hiện hành.

- Từ chối thực hiện đối với các trường hợp: Lệnh thanh toán không hợp lệ, sai địa chỉ; Lệnh chuyển Nợ không có ủy quyền hoặc quá mức được ủy quyền; Yêu cầu hủy Lệnh chuyển Có do tài khoản của người hoặc đơn vị nhận Lệnh thanh toán không có đủ tiền hoặc không thu hồi lại được.

- Đề nghị Ngân hàng chủ trì thông báo số dư và tình hình hoạt động của tài khoản tiền gửi của ngân hàng mình tại Ngân hàng chủ trì.

- Yêu cầu bồi thường thiệt hại do lỗi của Ngân hàng chủ trì hoặc Ngân hàng thành viên khác gây ra cho mình. Mức bồi thường giới hạn trong phạm vi số tiền phải thanh toán cộng với tiền phạt chậm trả tính trên số tiền phải thanh toán nhân với lãi suất phạt chậm trả được áp dụng theo quy định hiện hành.

2. Ngân hàng thành viên trực tiếp có trách nhiệm

- Đảm bảo khả năng chi trả để thanh toán kịp thời và đầy đủ các khoản phải trả trong thanh toán bù trừ điện tử của ngân hàng mình (cũng như đối với các ngân hàng thành viên gián tiếp trong trường hợp mình đại diện).

- Nộp đầy đủ và kịp thời các khoản phí trong thanh toán bù trừ điện tử theo quy định.

- Đảm bảo an toàn đối với hệ thống máy tính, trang thiết bị và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động thanh toán bù trừ điện tử thuộc phạm vi ngân hàng mình quản lý; Thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về truyền, nhận, xử lý dữ liệu và bảo mật trong thanh toán bù trừ điện tử.

- Chịu sự kiểm tra do Ngân hàng chủ trì, Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử tiến hành về việc chấp hành các quy định về đảm bảo an toàn hệ thống máy tính, trang thiết bị và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động thanh toán bù trừ điện tử và các quy định về bảo mật trong thanh toán bù trừ điện tử.

- Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác và đầy đủ của các Lệnh thanh toán, các bảng kê và chứng từ có liên quan do ngân hàng mình lập.

- Kiểm soát chặt chẽ Lệnh thanh toán, Bảng kết quả thanh toán bù trừ điện tử và các chứng từ có liên quan khác nhận được từ Ngân hàng chủ trì (hoặc Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử) và phải xác nhận lại theo đúng quy định; Trả lại ngay Lệnh thanh toán bị từ chối và nếu có vướng mắc phải đưa ra lý do chính đáng.

- Tra soát Ngân hàng gửi, Ngân hàng chủ trì và Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử khi thấy có sai lầm, nghi ngờ hoặc không rõ ràng trên các Lệnh thanh toán nhận được.

- Xác nhận và trả lời tra soát về Lệnh thanh toán theo yêu cầu của các bên liên quan.

- Hạch toán chính xác, kịp thời và đầy đủ các Lệnh thanh toán hợp lệ nhận được.

- Thông báo ngay cho người hoặc đơn vị được thụ hưởng, đơn vị có nghĩa vụ thanh toán biết về Lệnh thanh toán chuyển đến và kết quả xử lý. Chịu trách nhiệm thanh toán với người hoặc đơn vị nhận kể từ khi chấp nhận Lệnh thanh toán.

- Trong trường hợp đã thanh toán sai hoặc thừa cho người hoặc đơn vị nhận Lệnh thanh toán, khi phát hiện phải thông báo cho người hoặc đơn vị nhận Lệnh thanh toán biết và áp dụng ngay các biện pháp theo quy định để thu hồi lại số tiền đã trả sai hoặc trả thừa.

- Bồi thường thiệt hại hoặc chịu phạt vì những sai sót và chậm trễ do mình gây ra. Mức bồi thường đối với khoản chuyển tiền được giới hạn trong số tiền phải trả cộng với số tiền phạt chậm trả theo quy định hiện hành.

- Khi không tham gia thanh toán bù trừ điện tử nữa, Ngân hàng thành viên trực tiếp vẫn phải chịu trách nhiệm về tất cả các giao dịch thanh toán bù trừ điện tử do ngân hàng mình đã thực hiện (bao gồm các khoản thanh toán của Ngân hàng thành viên trực tiếp và các khoản thanh toán được ủy quyền của ngân hàng thành viên gián tiếp) trong thời gian tham gia thanh toán bù trừ điện tử trước đây.

Điều 18. Quyền và trách nhiệm của Ngân hàng chủ trì

1. Ngân hàng chủ trì có quyền

- Xem xét và chấp thuận cho các Ngân hàng, Tổ chức tín dụng và Kho bạc Nhà nước có đủ điều kiện và tiêu chuẩn tham gia thanh toán bù trừ điện tử.

- Thu các khoản phí trong thanh toán bù trừ điện tử theo quy định.
- Quy định về thời gian giao dịch và xử lý kết quả thanh toán bù trừ điện tử.
- Trích tài khoản tiền gửi thanh toán của Ngân hàng thành viên trực tiếp để thanh toán số chênh lệch phải trả theo kết quả thanh toán bù trừ điện tử; Áp dụng các biện pháp khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước để phòng ngừa và xử lý trường hợp thiếu khả năng chi trả của Ngân hàng thành viên trực tiếp.
- Trả lại hoặc hủy bỏ đối với những lệnh thanh toán vượt quá khả năng chi trả của Ngân hàng thành viên trực tiếp tại thời điểm quyết toán bù trừ điện tử.
- Quyết định xử phạt Ngân hàng thành viên trực tiếp vi phạm trong thanh toán bù trừ điện tử theo thẩm quyền do Ngân hàng Nhà nước quy định.

2. Ngân hàng chủ trì có trách nhiệm

- Lập đề án tổ chức thực hiện thanh toán bù trừ điện tử; Phổ biến, hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ thanh toán bù trừ điện tử cho các Ngân hàng thành viên trực tiếp.
- Đảm bảo an toàn đối với các máy tính, trang thiết bị và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động thanh toán bù trừ điện tử thuộc phạm vi Ngân hàng mình quản lý; Thực hiện đúng các quy định về tiếp nhận và xử lý dữ liệu trong thanh toán bù trừ điện tử.
- Thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về bảo mật trong thanh toán bù trừ điện tử.
- Tổ chức và hướng dẫn việc kiểm soát, đối chiếu và xử lý, điều chỉnh sai sót trong thanh toán bù trừ điện tử theo đúng quy định.
- Quản lý và giám sát khả năng chi trả của các Ngân hàng thành viên trực tiếp; Hạch toán chính xác, kịp thời và đầy đủ kết quả thanh toán bù trừ điện tử.
- Đề ra biện pháp và tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên và đột xuất đối với Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử và các Ngân hàng thành viên trực tiếp trong việc chấp hành các quy định về đảm bảo an toàn hệ thống máy tính, trang thiết bị và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động thanh toán bù trừ điện tử; và các quy định về bảo mật trong thanh toán bù trừ điện tử.
- Bồi thường thiệt hại hoặc chịu phạt vì những sai sót và chậm trễ do mình gây ra; Mức bồi thường giới hạn trong số tiền phải trả cộng với số tiền phạt chậm trả theo quy định hiện hành.

3. Quyền và trách nhiệm khác của Ngân hàng chủ trì

a) Khi tham gia thanh toán bù trừ điện tử với tư cách như một Ngân hàng thành viên trực tiếp thì Ngân hàng chủ trì phải tuân thủ các quy định đối với Ngân hàng thành viên trực tiếp;

b) Khi Ngân hàng chủ trì đảm nhiệm cả vai trò là Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử thì Ngân hàng chủ trì còn có các quyền và trách nhiệm của Trung tâm xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử như sau:

- Thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về đảm bảo an toàn đối với hệ thống máy tính, trang thiết bị và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động thanh toán bù trừ điện tử; và các quy định về bảo mật trong thanh toán bù trừ điện tử.

- Quy định và hướng dẫn về phương thức truyền, nhận và xử lý dữ liệu giữa bộ phận xử lý kỹ thuật thanh toán bù trừ điện tử với các Ngân hàng thành viên trực tiếp và Ngân hàng chủ trì.

- Bảo đảm việc lưu trữ dữ liệu thanh toán bù trừ điện tử an toàn và đúng thời gian quy định.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của Bảng kết quả thanh toán bù trừ và các chứng từ có liên quan khác do mình lập.

- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát và đối chiếu trong thanh toán bù trừ điện tử theo đúng quy định. Tra soát và trả lời kịp thời tra soát của các Ngân hàng thành viên trực tiếp và Ngân hàng chủ trì về các sai sót, chênh lệch số liệu có liên quan.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát đối với các Ngân hàng thành viên trực tiếp trong việc chấp hành các quy định về đảm bảo an toàn đối với hệ thống máy tính, trang thiết bị và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động thanh toán bù trừ điện tử.

- Bồi thường thiệt hại hoặc chịu phạt vì những sai sót, chậm trễ do mình gây ra. Mức bồi thường đối với các khoản chuyển tiền được giới hạn trong số tiền phải trả cộng với số tiền phạt chậm trả theo quy định hiện hành.

Chương IV

XỬ LÝ VI PHẠM TRONG THANH TOÁN BÙ TRỪ ĐIỆN TỬ

Điều 19. Vi phạm và xử lý vi phạm

1. Các hành vi vi phạm trong thanh toán bù trừ điện tử là

a) Không chấp hành đúng các quy định có liên quan đến nghiệp vụ thanh toán bù trừ điện tử do Ngân hàng Nhà nước ban hành;

b) Ngân hàng thành viên trực tiếp không duy trì đủ khả năng chi trả để thanh toán kịp thời, đầy đủ số tiền phải trả vào thời điểm quyết toán thanh toán bù trừ điện tử cho toàn bộ các Lệnh thanh toán của ngân hàng mình đã gửi đi và phải nhận về trong Ngày giao dịch;

c) Chậm trễ (hoặc trì hoãn) trong việc trả lại Lệnh chuyển Có đã bị từ chối với dụng ý chiếm dụng vốn; Từ chối Lệnh chuyển Nợ có ủy quyền hợp lệ để tránh tình trạng thiếu hụt vốn của Ngân hàng mình.

2. Xử lý vi phạm

a) Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm các quy định tại khoản 1 điều này, nếu gây thiệt hại về vật chất cho khách hàng hoặc Ngân hàng thành viên khác thì phải bồi thường thiệt hại đó cho khách hàng hoặc ngân hàng bị thiệt hại;

b) Đình chỉ tham gia hoạt động thanh toán bù trừ điện tử:

- Đình chỉ tạm thời: Nếu ngân hàng thành viên trực tiếp vi phạm liên tiếp 3 lần liên về một trong các quy định tại khoản 1 điều này thì sẽ bị đình chỉ tham gia thanh toán bù trừ điện tử liên ngân hàng tạm thời ít nhất trong thời gian 6 tháng để chấn chỉnh. Sau 6 tháng, nếu muốn tiếp tục tham gia thanh toán bù trừ điện tử, Ngân hàng thành viên này phải có văn bản gửi Ngân hàng chủ trì để xem xét.

- Đình chỉ vĩnh viễn: Nếu vi phạm đến lần thứ tư các quy định tại khoản 1 điều này, Ngân hàng thành viên trực tiếp sẽ bị đình chỉ vĩnh viễn và xóa tên trong danh sách ngân hàng tham gia thanh toán bù trừ điện tử.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 20. Thủ trưởng các Vụ, Cục và đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, triển khai và giám sát thực hiện Quy chế này.

Tổng Giám đốc (Giám đốc) Ngân hàng, Tổ chức khác được làm dịch vụ thanh toán có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện đối với hệ thống của mình theo đúng các quy định của Quy chế này.

Điều 21. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định./.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 10/VBHN-NHNN

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2014

KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC

Đặng Thanh Bình